

Số : 1118/QĐ-UB-QLĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

**Về việc di chuyển dân cư và đền bù, trợ cấp thiệt
hại trong công trình xây dựng khu công nghiệp giày da
xuất khẩu do Nhà nước thu hồi đất và cho Công ty cổ phần
TNHH POU YUEN-VIỆT NAM thuê đất và đầu tư tại xã Tân Tạo
và xã Bình Trị Đông thuộc huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

- Căn cứ giấy phép đầu tư số 1497/GP ngày 02/02/1996 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cho phép Công ty POU YUEN (Hong Kong) thành lập Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài để đầu tư sản xuất và kinh doanh Giày Da tại xã Tân Tạo và xã Bình Trị Đông thuộc Huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh ;

- Xét đề nghị của Chủ tịch UBND Huyện Bình Chánh và Trưởng Ban Vật giá thành phố (công văn số 118/CV-UB ngày 09/3/1996).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay tiến hành việc sắp xếp, di chuyển toàn bộ dân cư, các cơ quan đơn vị Nhà nước và tổ chức khác trong khu vực 62 ha quy hoạch xây dựng khu Công nghiệp Giày da xuất khẩu do Công ty cổ phần TNHH POU YUEN-VIỆT NAM đầu tư tại xã Tân Tạo và xã Bình Trị Đông thuộc Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

- Danh sách các hộ dân cư và các đơn vị, tổ chức khác do UBND Huyện Bình Chánh xác định và công bố cụ thể.

Điều 2.- Ban hành kèm theo quyết định này Bản quy định về đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất, bao gồm 19 điều khoản.

Điều 3.- Thành lập Ban Chỉ đạo di chuyển, đền bù trong công trình này, do Chủ tịch UBND Huyện Bình Chánh làm Trưởng Ban. Ủy nhiệm cho Chủ tịch

UBND Huyện Bình Chánh lập danh sách các thành viên của Ban Chỉ đạo (mời Ban Vật giá thành phố và Sở Địa chính thành phố tham gia Ban Chỉ đạo).

- Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do đơn vị chủ đầu tư công trình tài trợ, trích trong tổng kinh phí di chuyển, đền bù (không quá 2%).

Điều 4.- Các Ông Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở : Địa chính, Xây dựng, Tài chính, Vật giá, Công An, Kiến trúc sư trưởng thành phố, Chủ tịch UBND huyện Bình Chánh, Chủ tịch UBND xã Tân Tạo và xã Bình Trị Đông, Công ty Pou Yuen - Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, các tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực quy hoạch xây dựng công trình trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.-

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Chủ tịch
Trương Tấn Sang

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 1996

BẢN QUY ĐỊNH

**Về đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại trong
công trình xây dựng khu công nghiệp giày da xuất
khẩu do Nhà nước thu hồi đất và cho Công ty cổ phần
TNHH Pou Yuen – Việt Nam thuê đất và đầu tư tại xã Tân Tạo
và xã Bình Trị Đông thuộc huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UB-QLĐT
ngày 11/3/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

PHẦN I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý và bố trí sử dụng theo quy định của pháp luật. Các tổ chức, gia đình và cá nhân trong phạm vi khu vực xây dựng công trình phải chấp hành quyết định di chuyển và quy định về đền bù, trợ cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của thành phố.

Điều 2.- Nhà nước bảo đảm các quyền lợi hợp pháp bị thiệt hại của các tổ chức, gia đình, cá nhân khi thực hiện di chuyển và được tạo điều kiện ổn định lại chỗ ở và sinh hoạt đời sống.

Điều 3.- Đơn vị chủ đầu tư công trình phải chấp hành đúng trình tự, thủ tục pháp lý khi tiến hành công tác di chuyển và chịu trách nhiệm thanh toán tiền đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản hiện có trên đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất trên cơ sở bản quy định này.

PHẦN II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC A.- ĐÈN BÙ, TRỢ CẤP THIẾT HẠI VỀ ĐẤT.

Điều 4.- Đất ở được đền bù trợ cấp :

1/ Đất ở là đất hiện hữu có nhà, bao gồm cả khuôn viên nhà (nếu có) đang sử dụng hợp pháp và hợp lệ, kể cả đất được cơ quan có thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích làm nhà ở.

2/ Đất ở phải phù hợp quy hoạch, không nằm trên mặt nước của kênh rạch và sông, đất không vi phạm các công trình và hành lang bảo vệ các công trình kỹ thuật hạ tầng. Ngoại trừ các trường hợp đã sử dụng hợp pháp, hợp lệ trước khi có công bố quy hoạch và không có tranh chấp.

Điều 5.- Đơn giá đền bù trợ cấp đất ở :

Việc đền bù thiệt hại đối với đất ở được áp dụng một trong hai phương thức sau :

1/ Hoán đổi, điều chỉnh lại diện tích đất ở khác trong các khu quy hoạch tái định cư.

2/ Đền bù trợ cấp bằng tiền trong trường hợp các hộ gia đình và cá nhân có yêu cầu tự tìm nơi ở mới thì áp dụng theo đơn giá ghi trong Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 04/01/1995 của UBND thành phố, cụ thể là :

- Mặt tiền đường Quốc lộ 1A : 750.000 đ/m²

- Đất ở không nằm mặt tiền đường, tính bằng 60% đơn giá đất ở nằm mặt tiền đường.

2.1/ Đền bù 100% đơn giá trong trường hợp đất ở có giấy tờ hợp pháp hoặc hợp lệ nêu tại mục I và II trong công văn số 647/CV-ĐC ngày 31/5/1995 của Tổng Cục Địa chính và theo Quyết định số 6280/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/8/1995 của UBND thành phố về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích được đền bù là diện tích ghi trong giấy tờ hợp lệ về đất. Trường hợp không sử dụng hết diện tích ghi trong giấy tờ thì tính theo diện tích thực tế đang sử dụng nhưng tối đa không vượt quá 400m²/hộ.

2.2/ Đất ở không có giấy tờ hợp pháp hoặc hợp lệ nhưng đã có quá trình sử dụng ổn định, không có tranh chấp và có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (theo mục III của công văn số 647/CV-ĐC ngày 31/5/1995 của Tổng Cục Địa chính), tùy theo mốc thời gian sử dụng được tính đền bù trợ cấp như sau :

- Từ trước ngày 18/12/1980 (ngày Hiến pháp được Quốc Hội thông qua) : đền bù bằng 80% đơn giá với diện tích không quá 200m²/hộ.

- Từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 8/1/1988 (ngày công bố Luật Đất đai 1988) : đền bù bằng 70% đơn giá với diện tích không quá 200m²/hộ.

- Từ ngày 8/1/1988 đến trước ngày 15/10/1993 (ngày Luật Đất đai 1993 có hiệu lực thi hành) : đền bù bằng 50% đơn giá với diện tích không quá 200m²/hộ.

- Từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 5/7/1994 (ngày Chính phủ ban hành Nghị định 60/CP) : trợ cấp bằng 30% đơn giá với diện tích không quá 100m²/hộ.

2.4/ Đất sử dụng không có giấy tờ hợp lệ từ ngày 5/7/1994, không được đền bù, trợ cấp. Người vi phạm phải tháo dỡ tất cả các vật kiến trúc xây dựng trái phép. Nếu tự nguyện và chấp hành tốt, được hỗ trợ chi phí di chuyển theo mức quy định tại khoản 2, điều 14 của bản quy định này.

Điều 6.- Đối với đất của các cơ quan, đơn vị và tổ chức khác :

1/ Cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân được Nhà nước giao đất mà được miễn nộp tiền sử dụng đất hoặc đã nộp tiền sử dụng đất bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, thì khi nhà nước thu hồi đất, các tổ chức này không được đền bù thiệt hại về đất, nhưng được xem xét hoán đổi hoặc cấp đất mới cho từng trường hợp theo thẩm quyền của Chính phủ hoặc của UBND Thành phố.

2/ Doanh nghiệp Nhà nước, Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội, Công ty cổ phần, Công ty TNHH, đơn vị kinh tế tập thể, doanh nghiệp tư nhân, khi nhà nước thu hồi đất, nếu đất đang sử dụng là đất được giao đã nộp tiền sử dụng đất mà tiền đó không thuộc nguồn vốn của ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ bằng cách giao đất khác hoặc bằng tiền với mức bằng 100% diện tích đất hoặc giá trị đất bị thu hồi. Giá trị đất được áp dụng theo đơn giá ghi trong quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 4/1/1995 của UBND Thành phố.

3/ Trường hợp đất (có nhà xưởng, kho bãi) đang sử dụng là đất có nguồn gốc do tự chuyển nhượng bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước, có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất thì được đền bù theo mức quy định tại khoản 2 điều 5 của bản quy định này.

4/ Đối với đất chuyển nhượng trái phép, giao UBND Huyện Bình Chánh xem xét, xử lý theo tinh thần công văn số 1427/CV-ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng Cục Địa chính và cùng với Ban Chỉ đạo di chuyển đền bù của công trình xác định mức bồi hoàn trợ cấp thiệt hại cụ thể cho từng trường hợp.

Điều 7.- Đất nông nghiệp (đất ruộng, vườn, ao hồ) :

1/ Đất có quyền sử dụng hợp pháp được đền bù theo khung giá đất trồng cây hàng năm quy định tại Nghị định 87/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ và được cấp thêm như sau :

HẠNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	ĐƠN GIÁ THEO NGHỊ ĐỊNH 87/CP	MỨC TRỢ CẤP THÊM	TỔNG CỘNG MỨC ĐỀN BÙ VÀ TRỢ CẤP
- Hạng 1	19.300 đ/m ²	35.700 đ/m ²	55.000 đ/m ²
- Hạng 2	16.100 đ/m ²	33.900 đ/m ²	50.000 đ/m ²

- Hạng 3	13.000 đ/m ²	32.000 đ/m ²	45.000 đ/m ²
- Hạng 4	9.800 đ/m ²	30.200 đ/m ²	40.000 đ/m ²
- Hạng 5	6.300 đ/m ²	28.700 đ/m ²	35.000 đ/m ²
- Hạng 6	1.750 đ/m ²	28.250 đ/m ²	30.000 đ/m ²

Hạng đất tính theo hiện trạng hạng đất đang đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2/ Đất đang sử dụng hợp pháp là đất được cơ quan có thẩm quyền giao đất hoặc cấp đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Trường hợp không có các giấy tờ hợp pháp về sử dụng đất thì phải có đủ điều kiện để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo hướng dẫn tại công văn số 1427/CV-ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng Cục Địa chính về việc hướng dẫn xử lý một số vấn đề về đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

3/ Đất ao, hồ tự đào có nuôi trồng thủy sản, tính đền bù, trợ cấp tương đương đất trồng cây hàng năm trên cùng diện tích của khu vực đất.

4/ Đối với đất vườn trồng cây lâu năm, đất nghĩa địa và đất gò vườn gắn với thổ cư áp dụng theo đơn giá đền bù và trợ cấp đất trồng cây hàng năm qui định tại khoản 1 của điều này, cộng thêm mức hỗ trợ chi phí san lấp 20.000đ/m² cho từng hạng đất.

5/ Đối với diện tích đất nông nghiệp nằm ở vị trí mặt tiền đường hiện hữu, được tính đền bù và trợ cấp tăng thêm 50% tính trong phạm vi 200m, kể từ mép lề đường hiện hữu.

6/ Các trường hợp chiếm dụng đất bất hợp pháp, đất không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì không đền bù.

MỤC B : ĐÈN BÙ, TRỢ CẤP THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN :

B1 : VỀ NHÀ CỬA :

Điều 8.- Nhà thuộc sở hữu tư nhân : (bao gồm nhà ở, cơ sở sản xuất kinh doanh).

1/ Nhà xây dựng hợp pháp, có giấy tờ hợp lệ hoặc có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà theo nghị định 60/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ, được đền bù 100% giá trị xây dựng nhà hiện có theo đơn giá tại quyết định số 692/QĐ-UB-QLĐT ngày 4/5/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhân với hệ số điều chỉnh 1,2 lần.

2/ Nhà không có giấy tờ hợp lệ, không thuộc tài sản của nhà nước, không có tranh chấp, tạo lập từ ngày 18/12/1980 (ngày Hiến pháp được Quốc Hội thông qua) đến trước ngày 5/7/1994 được đền bù bằng 80% đơn giá của nhà có giấy tờ hợp lệ nêu tại khoản 1 trên.

3/ Nhà xây dựng bất hợp pháp từ ngày 5/7/1994 không được đền bù, trợ cấp, phải tháo dỡ nhà không điều kiện. Nếu tự nguyện và chấp hành tốt, được hỗ trợ chi phí di chuyển nhà theo mức quy định tại khoản 2, điều 14.

Điều 9.- Nhà thuộc sở hữu Nhà nước (bao gồm nhà ở, cơ sở sản xuất kinh doanh, trụ sở cơ quan hành chính, trường học, trạm y tế...):

Nhà đã được cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hoặc Bộ chủ quản) giao thành tài sản cố định cho doanh nghiệp hoặc tạo lập bằng nguồn vốn không thuộc Ngân sách Nhà nước được đền bù 100% theo đơn giá tại quyết định số 692/QĐ-UB-QLĐT ngày 4/5/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố.

B2 : - VỀ TÀI SẢN KHÁC :

Điều 10.- Nhà có điện thoại, đồng hồ nước, điện (thuê bao), giếng, được đền bù :

- Điện thoại : theo giá lắp đặt mới Cty Điện thoại TP.
- Đồng hồ điện : 1.500.000đ/cái
- Đồng hồ nước : 2.000.000đ/cái
- Giếng nước khoan : 5.000.000đ/cái
- Giếng nước đào thủ công : 50.000đ/mét sâu

Điều 11.- Cây trồng, vật nuôi :

(Áp dụng theo bản phụ lục giá kèm theo bản quy định này).

Điều 12.- Mộ mã :

- 1/ Mộ đất : 600.000đ/mộ
- 2/ Mộ xây thường, đá ong : 1.200.000 đ/mộ
- 3/ Mộ xây bán kiên cố : 2.400.000đ/mộ
- 4/ Mộ xây kiên cố : 4.000.000đ/mộ

Đối với mộ vắng chủ, UBND xã hợp đồng với đơn vị phục vụ mai táng tổ chức bốc mộ và cải táng.

Điều 13.- Các vật kiến trúc khác :

1/ Các vật kiến trúc khác được đền bù theo đơn giá ghi tại Quyết định 692/QĐ-UB ngày 4/5/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố nhân với hệ số điều chỉnh 1,2 lần.

2/ Đối với các công trình kỹ thuật hạ tầng (đèn đường, cáp điện thoại, đường điện, đường cấp thoát nước...) sẽ áp dụng phương án di dời cụ thể cho từng trường hợp. Phương án di dời do đơn vị quản lý trực tiếp công trình đó lập,

thông qua cơ quan chủ quản xét duyệt và có sự xem xét, thống nhất của Ban chỉ đạo di chuyển về mức đền bù thiệt hại khi di dời.

MỤC C : - CÁC KHOẢN TRỢ CẤP KHÁC :

Điều 14.- Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có nhà phải di chuyển toàn bộ, ngoài mức trợ cấp về nhà và đất, được trợ cấp thêm các khoản như sau :

1/ Trợ cấp đời sống : Trợ cấp một lần 1.000.000đ cho mỗi nhân khẩu có hộ thường trú tại căn nhà phải di chuyển. Đối với những người có hộ khẩu gốc tại thành phố đã đi hồi hương, lập nghiệp vùng kinh tế mới nay trở về thành phố chưa có nhà ở, được cơ quan Công an cho tạm trú dài hạn tại căn nhà phải di chuyển và đã có thời hạn tạm trú tối thiểu 2 năm, được nhận trợ cấp như nhân khẩu thường trú.

2/ Trợ cấp tháo dỡ di chuyển nhà :

- Hộ dân cư : trợ cấp 1.000.000đ/căn nhà cấp 3 trở lên và 500.000 đ/căn nhà cấp 4, nhà tạm.

- Cơ quan, đơn vị : trợ cấp theo khối lượng và chi phí di chuyển thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

3/ Trợ cấp do ngừng sản xuất kinh doanh của các đơn vị có giấy phép hoạt động hợp lệ :

- Hộ có doanh thu dưới 5.000.000 đ/tháng được trợ cấp 10% doanh thu, trong 6 tháng.

- Hộ có doanh thu từ 5.000.000 đ/tháng trở lên, được trợ cấp theo thực lãi, trong 6 tháng.

- Doanh thu và thực lãi để tính trợ cấp là doanh thu và thực lãi bình quân của các tháng trong năm gần nhất (căn cứ số liệu của Chi Cục Thuế Huyện cung cấp).

4/ Gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công cách mạng (có giấy chứng nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền) được trợ cấp thêm cho mỗi hộ gia đình

- Bà mẹ Anh hùng, Thương binh 1/4 : 4.000.000 đ/hộ

- Thương binh 2/4, 3/4, 4/4, liệt sĩ,
gia đình có công cách mạng : 3.000.000 đ/hộ

PHẦN III VIỆC VIỆC TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 15.- Đơn vị chủ đầu tư công trình chịu trách nhiệm phối hợp với UBND Huyện và các cơ quan chức năng lập quy hoạch và phương án tái bố trí lại dân cư trong khu vực phải di chuyển trình UBND Thành phố quyết định. Việc bố trí lại dân cư được thực hiện theo các hướng sau :

1/ Áp dụng các phương thức thích hợp với hình thức đền bù, trợ cấp : hoán đổi, bán đứt, bán trả góp, cho thuê với giá cả phù hợp với khả năng thanh toán của từng đối tượng trên nguyên tắc không kinh doanh tính lãi.

2/ Đối với những hộ gia đình có hộ khẩu tại căn nhà phải di chuyển, không có khả năng tự lo nhà ở tại nơi khác thì được ưu tiên mua một căn nhà tại khu định cư mới theo giá thành xây dựng với nguyên tắc khấu trừ trước tiền đền bù nhà đất, của những hộ gia đình đó. Phần chênh lệch (nếu có) do bên bán và bên mua thanh toán khi giao nhà. Nếu tiền đền bù không đủ tiền mua nhà mới, người mua nhà được chọn 1 trong 3 phương thức sau để trả phần tiền còn lại :

a) Trả 1 lần, được giảm 10%.

b) Trả sau 1 năm, được giảm 2%.

c) Trả dần trong thời gian 10 năm, mỗi năm trả 1/10 khoản nợ còn lại được quy đổi bằng vàng 4 số chín vào thời điểm nợ và thời điểm trả để thanh toán.

3/ Đối với những hộ gia đình không có hộ khẩu tại căn nhà phải di chuyển nhưng có hộ khẩu tại thành phố, khi di chuyển không có chỗ ở nào khác tại thành phố thì được áp dụng phương thức tái định cư như đã nêu ở khoản 2 trên, trừ các trường hợp chiếm dụng đất bất hợp pháp.

4/ Đối với những hộ gia đình có khả năng tự xây dựng nơi ở mới nằm trong quy hoạch các khu định cư đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt quy hoạch chi tiết, cơ sở hạ tầng đã được xây dựng, thủ tục sử dụng đất đã hoàn tất, UBND Huyện lập danh sách đề nghị giao đất làm nhà cho từng hộ gia đình gửi Sở Địa chính tp

4/ Đối với những hộ gia đình có khả năng tự xây dựng nơi ở mới nằm trong quy hoạch các khu định cư đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt quy hoạch chi tiết, cơ sở hạ tầng đã được xây dựng, thủ tục sử dụng đất đã hoàn tất, UBND Huyện lập danh sách đề nghị giao đất làm nhà cho từng hộ gia đình gửi Sở Địa chính thành phố làm thủ tục trình UBND Thành phố giao đất xây dựng nhà ở cho từng hộ gia đình.

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16.- UBND Thành phố giao trách nhiệm cho UBND Huyện Bình Chánh và Ban Vật giá TP tổ chức phổ biến giải thích, hướng dẫn thực hiện cụ thể bằng quy định này cho các tổ chức hộ gia đình và cá nhân trong khu vực quy hoạch xây dựng công trình để biết thực hiện và giám sát việc đền bù, trợ cấp đúng quy định.

Điều 17.- Những trường hợp đang tranh chấp về quyền sử dụng đất, chỉ đền bù, trợ cấp sau khi tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng quyết định có hiệu lực thi hành.

- Những khiếu nại phát sinh trong quá trình đền bù, di chuyển dân cư, UBND Huyện Bình Chánh và Ban Chỉ đạo di chuyển đền bù xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và theo trình tự của pháp lệnh khiếu nại tố cáo của công dân trên cơ sở căn cứ vào luật đất đai và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 18.- Những hộ gia đình và cá nhân chấp hành tốt chủ trương kế hoạch di chuyển, đền bù, sẽ được thưởng khuyến khích một số tiền. Mức thưởng sẽ do đơn vị chủ đầu tư công trình thỏa thuận với UBND Huyện Bình Chánh công bố cụ thể.

- Những người không chấp hành hoặc cố tình trì hoãn, gây cản trở chủ trương và kế hoạch di chuyển, đền bù, đã được cơ quan chức năng giải thích nhiều lần và thực hiện đúng quy định đền bù, trợ cấp theo bản quy định này nhưng vẫn không chấp hành di chuyển, UBND Huyện Bình Chánh được quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành.

Điều 19.- Bản quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng luôn cho các công trình di chuyển đền bù có cùng mục đích sử dụng đất trên cùng khu vực kế cận.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢNG PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ ĐỀN BÙ CÂY TRỒNG
(Kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/3/1996
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Loại cây trồng	ĐVT	Loại đang thu hoạch	Loại chưa thu hoạch	Loại còn nhỏ (dưới 2 năm)
1	Dừa gáo, điều, mít, xoài, nhãn, cam, quýt, chôm chôm, sabôchê, bưởi, vú sữa, sầu riêng...	đ/cây	100.000-130.000	60.000-70.000	20.000-25.000
2	Mãng cầu, lê-ki-ma, mận, táo, chanh, tắc, dâu, bơ, thanh long, cau, cà phê...	đ/cây	70.000-80.000	40.000-50.000	14.000-16.000
3	Ổi, me, khế, sakê, hồng quân, thị, sơ ri, chùm ruột, tiêu, đào tiên, tràu, sung, cóc, ô môi và các loại kiếng...	đ/cây	40.000-50.000	20.000-30.000	10.000-12.000
4	Chuối, đu đủ và cây ăn quả khác tương ứng.	đ/cây	15.000-18.000	8.000-10.000	4.000-6.000
5	Thơm : 3.000-4.000/bụi; khoai mì: 800-1.000đ/bụi; lúa : 700-800đ/m ² ; dừa nước: 6.000-7.000đ/bụi (5-6 tàu/bụi) Hoa màu khác: 1.000-3.000đ/m ² ; mía cây: 800-1.000đ/m ² ; Rau muống: 4.000-5.000đ/m ² ; Sã : 10.000-20.000đ/m ²				
6	Cây gỗ, sao, dầu... (Ø từ dưới 20cm/cây : 30.000-100.000đ/cây; cây gòn, điệp, lông mót : 10.000-30.000đ/cây				
7	Tre gai: 3.000-5.000đ/cây; Tre tàu : 5.000-7.000đ/cây; Tầm vông : 2.000-4.000đ/cây; Trúc : 200-400đ/cây.				
8	Cây bạch đàn, Tràm bông vàng, Xoan : 20.000-25.000đ/cây (Ø trên 15cm) 15.000-10.000đ/cây (Ø từ 10cm-20cm) 5.000-8.000đ/cây (Ø từ dưới 10cm) Cây cao su (tính = 2 lần giá cây bạch đàn)				

